

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG LÁT  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/HS-ST  
Ngày 23-01-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Cường

2. Ông Nguyễn Văn Thành

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Lâu Văn Chứ, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát, tỉnh Thanh Hóa.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Lát tham gia phiên toà:***  
Ông Trương Văn Phú- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Lát xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 02/2019/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Mai Đình A** - Sinh năm 1988.

Nơi sinh: Xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn 3, xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Mai Đình B, sinh năm 1960; Con bà: Mai Thị S, sinh năm 1962; Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1992; con có 01 sinh năm 2013.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2018 chuyển tạm giam ngày 03/10/2018 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 22/9/2018, Mai Đình A đi từ nhà mình ở Thôn 3, xã Liên Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa lên Bến xe khách phía Tây, TP Thanh Hóa để đón xe khách lên huyện Muờng Lát, khi đến Cửa khẩu Tén Tăn, huyện Muờng Lát thì làm thủ tục xuất cảnh sang nước CHDCND Lào. Tại Lào, vào khoảng 15 giờ ngày 25/9/2018, A đi bộ đến nhà một người phụ nữ dân tộc Mông không biết tên ở gần

khu vực chợ San Hốc –Lào hỏi mua ma túy. Tại đây, Mai Đình A đã gặp và đưa cho người phụ nữ dân tộc Mông số tiền là 300.000 kíp Lào (Ba trăm nghìn kíp Lào), người phụ nữ này đưa cho A 40 viên (Bốn mươi viên) ma túy tổng hợp (Hong phiến). Mua được ma túy, A gói lại bằng túi nilon màu xanh và cho cả vào bên trong cục sạc điện thoại NOKIA và cất vào túi quần bên trái đang mặc, rồi ra thuê một chiếc xe ôm đi về hướng Cửa khẩu Tén Tẩn, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Khi còn cách Cửa khẩu Tén Tẩn khoảng 04km thì A vào nghỉ tại một nhà nghỉ bên Lào. Đến ngày 26/9/2018 A về đến Cửa khẩu Tén Tẩn và làm thủ tục xuất cảnh quay về Việt Nam và A đã ngủ qua đêm tại nhà nghỉ Tén Tẩn, huyện Mường Lát. Sáng ngày 27/9/2018, A bắt xe ôm lên ngã 3 xã Tén Tẩn, huyện Mường Lát để bắt xe khách đi về Thành phố Thanh Hóa, khi lên đến ngã 3 xã Tén Tẩn trong lúc đang chờ xe khách, A lấy ra 02 viên ma túy đi ra bãi đất trống để sử dụng, số còn lại A lại cất giấu vào cục sạc điện thoại và bỏ vào túi quần bên trái đang mặc. Đến 11 giờ 10 phút, ngày 27/9/2018 khi A đang ngồi trên xe khách Hải Muối đi đến khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát thì bị Tổ công tác Công an huyện Mường Lát yêu cầu kiểm tra, phát hiện và bắt quả tang Mai Đình A đang có hành vi tàng trữ trái phép 38 viên ma túy tổng hợp, Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tang vật thu giữ gồm: 38 (Ba tám) viên ma túy tổng hợp màu hồng; 01 cục sạc điện thoại có dây màu đen nhãn hiệu NOKIA; 01 ví da màu đen; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Mai Đình A; 01 hộ chiếu mang tên Mai Đình A; 01 điện thoại SAMSUNG loại cảm ứng màu hồng nhạt và 630.000đ (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng) tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Tại Bản kết luận giám định số: 2065/MT-PC09 ngày 30/9/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận: Các viên nén hình tròn màu hồng trên bề mặt dập chìm chữ “WY” và các mảnh màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, tổng khối lượng là 3,852g (Ba phẩy tám trăm năm hai gam), loại: Methamphetamnie.

Tại Cáo trạng số 02/CT-VKS-ML ngày 27/12/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát truy tố bị cáo Mai Đình A về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c, khoản 1, điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận và luận tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; bị cáo có ông nội được tặng “Huân chương kháng chiến chống Pháp”. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố Bị cáo Mai Đình A phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điểm c khoản 1 điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Hình phạt áp dụng đối với bị cáo Mai Đình A từ 30 tháng 36 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành.

- Trả lại cho bị cáo: 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng; 01 cục sạc điện thoại dây màu đen nhãn hiệu NOKIA; 01 thẻ căn cước công dân số 038088007491 mang tên Mai Đình A; 01 hộ chiếu mang tên Mai Đình A; 01 điện thoại SAMSUNG loại cảm ứng màu hồng nhạt số IMEI 1: 355635456939697, số IMEI 2: 355635456939705 và số tiền 630.000đ (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng) nhưng quy trừ số tiền này để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định.

Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng biện pháp ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân bị nghiện chất ma túy, không kìm chế được bản thân, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới.

Tại phiên tòa Bị cáo nhận tội, không có ý kiến tranh luận với đại diện VKS, lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về hoàn cảnh gia đình của bị cáo khi bố mẹ đã già cả không đi lại được; bản thân bị cáo đang ở cùng với bà bác 77 tuổi neo đơn không nơi nương tựa, vợ chồng bị cáo đã sống ly thân từ lâu, con bị cáo đang còn nhỏ và cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình và xã hội trở thành một công dân tốt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Trong quá trình điều tra, truy tố, Điều tra viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 37 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình theo quy định tại Điều 42 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các tài liệu, chứng cứ được thu thập theo đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Nên các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Đánh giá chứng cứ, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Mai Đình A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị

cáo tại biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản, bản ảnh cân tịnh trọng lượng, lấy mẫu giám định; biên bản mở niêm phong xác định trọng lượng và trích mẫu giám định; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; biên bản kết luận giám định; biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án và được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Ngày 27/9/2018, bị cáo Mai Đình A đã có hành vi tàng trữ trái phép 3,852 gam Methamphetamine, với mục đích sử dụng cho bản thân, khi bị cáo đang trên xe khách đi về nhà, đến Thị trấn Mường Lát thì Bị cáo bị Cơ quan Công an huyện Mường Lát phát hiện, bắt quả tang.

Hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, làm ảnh hưởng không những sức khỏe của người nghiện mà ảnh hưởng tới kinh tế của gia đình người nghiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự trên địa bàn huyện Mường Lát. Bị cáo nhận thức được hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo là người có đủ năng lực để chịu trách nhiệm trước pháp luật về hành vi phạm tội của mình, bị cáo từng là một Đảng viên (từ năm 2007-2017 sinh hoạt tại Chi bộ Tiểu đoàn 324 Quân khu 4) nhưng không gương mẫu, ham vui bạn bè đã sa vào nghiện chất ma túy. Do vậy, hành vi của bị cáo cần phải xử lý nghiêm minh để giáo dục và răn đe chung. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 249 Bộ luật hình sự với lỗi cố ý trực tiếp.

Do đó, quan điểm truy tố của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS, ngoài ra bị cáo có ông nội được tặng “Huân chương kháng chiến chống Pháp” nên HĐXX cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại khoản 2 điều 51 BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người nghiện chất ma túy (như bị cáo khai báo). Vì vậy, để phù hợp với tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, cần phải áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời để bị cáo có điều kiện cai nghiện ma túy.

[4] Về hình phạt chính và hình phạt bổ sung:

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về mức hình phạt cho bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội và khối lượng chất ma túy thu giữ, đã đủ sức răn đe, phòng ngừa.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS, nhưng bị cáo là người nghiện ma túy, là lao động tự do, thu nhập

không ổn định, nên không có khả năng thi hành án, do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Vật chứng trong vụ án:

- Chất ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định là vật chứng của vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy. 01 cục sạc điện thoại dây màu đen nhãn hiệu NOKIA đây là công cụ phạm tội, tịch thu tiêu hủy.

- Các tài sản gồm: 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 038088007491 mang tên Mai Đình A; 01 hộ chiếu mang tên Mai Đình A; 01 điện thoại SAMSUNG loại cảm ứng màu hồng nhạt số IMEI 1: 355635456939697, số IMEI 2: 355635456939705 và số tiền 630.000đ (Sáu trăm ba mươi nghìn đồng) đây không phải là công cụ, dụng cụ phạm tội, trả lại cho bị cáo.

[6] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

[7] Các nhận định khác:

Đối với người phụ nữ dân tộc Mông, công dân Lào là người bán ma túy cho bị cáo, thì Cơ quan CSĐT Công an huyện Mường Lát không đủ thẩm quyền để xác minh làm rõ, nên không thể xử lý ở vụ án này.

Vì các lẽ trên:

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

Điều 260 Bộ luật tố tụng hình sự;

Điểm c khoản 1 điều 249; Điều 38; Điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

**Tuyên bố:** Bị cáo Mai Đình A phạm tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**Hình phạt:** Xử phạt Bị cáo Mai Đình A 36 (Ba mươi sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (27/9/2018).

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

**Vật chứng:** Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong niêm phong mẫu vật do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành ghi vụ Mai Đình A được dán kín niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Nguyễn Trần Đăng, Lại Thị Thanh Loan, Lê Minh Tiến, Vũ Chí Duy cùng các hình dấu đỏ của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa. Phong bì niêm phong còn nguyên vẹn.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cục sạc điện thoại, dây màu đen nhãn hiệu NOKIA, đã qua sử dụng.

- Trả lại cho bị cáo Mai Đình A: 01 ví da màu đen, đã qua sử dụng; 01 thẻ căn cước công dân số 038088007491 mang tên Mai Đình A; 01 hộ chiếu mang tên Mai Đình A; 01 điện thoại SAMSUNG loại cảm ứng màu hồng nhạt số IMEI 1: 355635456939697, số IMEI 2: 355635456939705 và số tiền 630.000đ (Sáu trăm ba

mười nghìn đồng), nhưng quy trữ số tiền này tại Chi Cục Thi hành án Dân sự huyện Mường Lát để đảm bảo thi hành án.

Tất cả các vật chứng kể trên hiện đang lưu giữ, bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 27/12/2018 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

**Về án phí:** Áp dụng điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên, Bị cáo Mai Đình A phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

**Quyền Kháng cáo, Kháng nghị:** Căn cứ điều 331, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; có mặt bị cáo. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Liên Lộc, H. Hậu Lộc, T. Thanh Hóa;
- Trại Tạm giam-Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo Mai Đình A;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**NguyễnTiếnDũng**

